

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN - TKV
Số: 841 /V.NSCP-KĐV

V/v Khảo sát và lập báo giá vật tư, thiết bị "Hệ thống cứu hỏa và hệ thống báo cháy NMNĐ Nông Sơn" phục vụ lập kế hoạch sửa chữa lớn năm 2027

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 9 tháng 04 năm 2026

THƯ MỜI KHẢO SÁT BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới quý đơn vị.

Hiện tại, chúng tôi đang có nhu cầu Khảo sát và báo giá vật tư thiết bị Hệ thống cứu hỏa và hệ thống báo cháy NMNĐ Nông Sơn" phục vụ lập kế hoạch sửa chữa lớn năm 2027

Chúng tôi kính mời các nhà cung cấp (NCC) có quan tâm, tham gia khảo sát và báo giá vật tư, hàng hóa, với nội dung như sau:

1. Thông tin về vật tư, hàng hóa cần mua:

- Tên Đơn hàng: Mua sắm vật tư thiết bị Hệ thống cứu hỏa và hệ thống báo cháy NMNĐ Nông Sơn" phục vụ lập kế hoạch sửa chữa lớn năm 2027

- Chi tiết vật tư, hàng hóa: Bao gồm các nội dung tên vật tư, hàng hóa, thông số kỹ thuật quy cách vật tư, số lượng chi tiết như phục lục kèm theo.

- Yêu cầu về vật tư, hàng hóa:

+ Các vật tư, hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, đúng quy cách, danh điếm và thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa.

+ Vật tư, thiết bị được sản xuất từ năm 2025 đến trở về sau

+ Nhà cung cấp đính kèm cùng báo giá các tài liệu kỹ thuật của hàng hóa như: Catalog của hàng hóa để chứng minh hàng hóa là đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thư mời.

+ Khi chào vật tư, hàng hóa tương đương, NCC phải có tài liệu chứng minh của hãng sản xuất đảm bảo đáp ứng được chất lượng sản phẩm, tương thích với thiết bị hiện tại của nhà máy mà không ảnh hưởng đến chế độ vận hành của thiết bị (phải là tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất chứng minh cụ thể, rõ ràng tính tương đương với mặt hàng công ty yêu cầu).

2. Nội dung bản chào giá (BCG)

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực NCC

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) (Bản sao công chứng hoặc bản sao có đóng dấu đỏ của doanh nghiệp).

- Hợp đồng tương tự với phần công việc mời chào giá



- Trong quá trình chuẩn bị bản chào giá, Nhà cung cấp có quyền tham gia khảo sát kích thước, thông số kỹ thuật thiết bị thực tế của bên mời chào giá nhằm đảm bảo vật tư, hàng hóa cung cấp lắp đặt phù hợp và đồng bộ với thiết bị có sẵn của nhà máy.

b. Các yêu cầu về thương mại:

- Bản báo giá phải ghi rõ tên vật tư, hàng hóa, quy cách, mã hiệu, đơn vị tính, số lượng, đơn giá của từng vật tư, hàng hóa, tổng giá trị đơn hàng đã bao gồm chi phí khảo sát, chi phí vận chuyển, các loại thuế và chi phí khác.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho Vật tư Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: Thôn Nông Sơn, Xã Nông Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

- Thời gian giao hàng: Nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng.

- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng đối với các vật tư chính.

- Hiệu lực của bản chào giá: ≥ 120 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

- NCC có thể báo giá cho toàn bộ hoặc báo giá cho một phần vật tư, hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.

3. Hình thức báo giá:

- Bản báo giá và biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trong phong bì dán kín, có niêm phong và gửi trực tiếp về địa chỉ:

+ Văn thư công ty hoặc Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: Thôn Nông Sơn, Xã Nông Sơn, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: 02363. 656 900 (Ghi chú: Hồ sơ chào giá nộp trực tiếp – người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị)

Hoặc Nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ email: **Nongson@vinacomipower.vn** và **Email: phongkhnongson@gmail.com** (Ghi chú: Đối với các đơn vị gửi báo giá qua email vẫn phải hoàn thiện gửi bản báo giá gốc cho bên mời chào giá qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên)

- Mọi thông tin trao đổi về phần kỹ thuật và tham gia khảo sát hàng hóa xin vui lòng liên hệ: Ông Bùi Quang Thắng – Phó phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư; số điện thoại: 0976.696.617.

4. Thời gian nhận bản báo giá: Bản báo giá và tài liệu kèm theo phải được gửi đến Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV không chậm hơn 09 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 04 năm 2026.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc (b/c, ecopy);
- Email: truyenthongtkv@vinacomipower.vn (để đăng tải);
- Email: bachbx@vinacomipower.vn (để đăng tải);
- Lưu VT, KĐV, PTD (7).



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thống

PHỤ LỤC 01: YÊU CẦU CHI TIẾT VỀ CÁC VẬT TƯ, HÀNG HÓA
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY NMNĐ NÔNG SƠN

(Kèm theo văn bản số: 841 /V.NSCP-KĐV ngày 09 tháng 04 năm 2026)

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
1	Vòng bi	SKF 6308-2Z	cái	6					
2	Sơn	Chống gỉ, Nishu; Epoxy ES	kg	302					
3	Sơn	son phủ; Nishu; PU màu đỏ	kg	602					
4	Dung môi pha sơn	THINNER 044 EP	kg	180,8					
5	Vòng bi	SKF 6314-2Z	Vòng	2					
6	Bu lông	M20xL110 8.8 (2 ecu+ 2 vòng đệm)	bộ	24					
7	Bu lông	M20xL200 8.8 (2 ecu+ 2 vòng đệm)	bộ	8					
8	Vòng bi	SKF 6314-2Z	Vòng	2					
9	khớp nối su	DN150	Cái	1					
10	Vành chèn cơ khí	kèm theo mã bơm (mã bơm: Type: SLS150 – 250I)	cái	1					
11	Bình acquy	Model: Rocket SMF N200 Điện áp: 12V Dung lượng: 200Ah Kích thước (DxRxC): 523 x 279 x 248 mm Loại:Ắc quy khô kín khí (SMF) Kiểu cọc: Cọc tiêu chuẩn/nổi CCA: 1200A (-18°C) Trọng lượng: Khoảng 52.1 kg	cái	2					
12	Ống dẫn dầu DO	nhựa mềm lõi thép phi 21	m	10					
13	Kẹp đầu cọc bình	chất liệu: đồng thau	Cái	8					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
14	Dung dịch làm mát động cơ	màu xanh Esna Coolant, Oki Coolant 4L	Lít	40					
15	Dây curoa	V-belt; AV17x1220	sợi	2					
16	Bulong	M14xL120; 8.8 (2 ecu+ 2 vòng đệm)	bộ	8					
17	Bulong	M16xL120; 8.8 (2 ecu+ 2 vòng đệm)	bộ	8					
18	Vành chèn cơ khí	kèm theo mã bơm (mã bơm: TYPE: 50GN18 – 15 - 4)	cái	1					
19	Khớp nối su	DN50	cái	2					
20	Đồng hồ áp suất 3 kim	0-1,6Mpa	cái	1					
21	Bơm bù áp số 1	SLS65-200; Q=25t/h; H=100H2O; N=5,5kW, 380V	Bơm	1					
22	Vòi cứu hỏa	DN65 ngàm dương Có tem kiểm định	Cuộn	70					
23	Lăng cứu hỏa	DN65 ngàm dương, có khóa Có tem kiểm định	Cái	30					
24	Trụ cứu hỏa ngoài trời	SS100/65/1,6 Có tay khóa kèm theo Có tem kiểm định	Cái	4					
25	Tủ đựng bình cứu hỏa	220x400x600mm inox 304	Cái	15					
26	Tủ chữa cháy vách tường	220x600x800mm inox304	Cái	10					
27	Van góc cứu hỏa	DN65, ngàm dương Có tem kiểm định	Cái	15					
28	Bọt Foam chữa cháy	AFFF 6%	lit	400					
29	Vòi phun bọt	phi 49	Cái	40					
30	Bình ắc quy khô	12v, 5Ah	Cái	10					
31	Contactơ ĐK bơm điện	CHINT NXC -100	Cái	3					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
32	PLC điều khiển	SIMATIC S7-1200	Cái	1					
33	Bộ nguồn tổ ong		Cái	1					
34	Ắc quy	Loại khô 12V, 7Ah	binh	4					
35	Bộ nguồn	S776 Power Supply, Input Voltage 230VAC/115VAC, 50Hz or 60Hz, Output Voltage: 24-29V DC, Power Rating: 5.25A Max.- Hochiki	Cái	1					
36	Nút ấn báo cháy địa chỉ	Hochiki DCP-AMS	Cái	10					
37	Nút ấn báo cháy thường	Hochiki HPS-SAH	Cái	10					
38	Tủ bao che nhựa	VTN 300x300: Vỏ tủ điện nhựa 300x300x200 (Nắp trong và có đế kèm theo)	Cái	20					
39	Dây nhiệt báo cháy	Dây nhiệt báo cháy Type EPC (220°F / 105°C) 50 M PHSC-220-EPC Hochiki	m	500					
40	Đầu báo nhiệt địa chỉ	Hochiki ATG-EA	m	3					
41	Đầu báo khói địa chỉ	Hochiki ALN-V	m	20					
42	Module giám sát	Hochiki: DCP-FRCME-M	Cái	20					
43	Module giám sát	Hochiki: DCP-SOM-A	Cái	10					
44	Module giám sát	Hochiki: DCP-R2ML	Cái	10					
45	Module giám sát	Hochiki: DCP-DIMM	Cái	10					
46	Chuông báo cháy	HOCHIKI FBB-150	cái	5					
47	Role thời gian	0-30s 5A/24VAC gồm chân đế	Cái	3					
48	Ắc quy	Loại khô 12 V/5 Ah	Cái	4					
49	Role trung gian	loại 14 chân 24VDC	Cái	10					
50	Cầu đấu khối	HYT-1010	bộ	10					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
51	Cầu đấu khối	HYT-5003	bộ	1					
52	Cầu đấu khối	HYT-3010	bộ	2					
53	Đèn exit 2 mặt	Mã sản phẩm:KT120 công suất 3W, Pin LI-ON: (3-7V 2000mAh)X2, nguồn AC220V	Bộ	10					
54	Đèn exit 2 mặt	Mã sản phẩm: KT670 công suất 3W, Pin LI-ON: (3-7V 2000mAh)X2, nguồn AC220V	Bộ	10					
55	Đèn chiếu sáng sự cố	Nguồn điện: 220-240V/50Hz, Loại: gắn tường, Công suất: 3W Mã sản phẩm: PEMD21SW	Bộ	7					
56	Van cổng	Z41T-10; DN65; PN10	cái	7					
57	Bích	SS400; DN65; PN16	cái	14					
58	Bulong	M16xL65; 8.8 (2 ecu+ 2 vòng đệm)	bộ	50					
59	Bulong	M20xL75; 8.8 (2 ecu+ 2 vòng đệm)	bộ	100					
60	Van đầu dây bơm điện	Z41T-10; DN150; PN10	cái	1					
61	Van cổng	Z41T-16; DN200; PN16	cái	1					
62	Bulong	M20xL100; 8.8 (2 ecu+ 2 vòng đệm)	bộ	16					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
63	Van cổng	Model: J41H-16C. DN200, PN16; Vật liệu cấu tạo: Thép carbon (WCB) Kiểu kết nối: Kết nối mặt bích. Tiêu chuẩn mặt bích: BS4504 Kiểu điều khiển: Tay quay. Khả năng chịu nhiệt: <425oC	cái	10					
64	Van cổng	DN150; PN10; HT200	cái	1					
65	Mặt bích	SS400; DN150; PN16; Tiêu chuẩn mặt bích: BS4504	cái	2					
66	Mặt bích	SS400; DN200; PN16; Tiêu chuẩn mặt bích: BS4504	cái	20					
67	Bulong	M18xL10; 8.8 (2 ecu+ 2 vòng đệm)	bộ	80					
68	Van tay	Z41T-16; DN250; PN16	cái	1					
69	Bulong	M20xL10; 8.8 (2 ecu+ 2 vòng đệm)	bộ	8					
70	Van tay	Model: J41H-16C. DN250, PN16; Vật liệu cấu tạo: Thép carbon (WCB) Kiểu kết nối: Kết nối mặt bích. Tiêu chuẩn mặt bích: BS4504 Kiểu điều khiển: Tay quay. Khả năng chịu nhiệt: <425oC	cái	1					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
71	Mặt bích	SS400; DN250; PN16; (kèm theo van) Tiêu chuẩn mặt bích: BS4504	cái	2					
72	Bulong	M20xL90; 8.8 (2 ecu+ 2 vòng đệm)	bộ	24					
73	Van 1 chiều	H41T-16; DN50; PN16	cái	2					Van 1 chiều đầu đẩy bom Jockey
74	Bulong	M16xL90; 8.8 (2 ecu+ 2 vòng đệm)	bộ	8					
75	Van 1 chiều đầu đẩy bom điện	HH46X-10; DN150; PN10	cái	1					
76	Van 1 chiều	H41T-16; DN200; PN16	cái	1					
77	Van bướm tín hiệu	DN100, PN16; có tiếp điểm phụ	Cái	4					
78	Van điện từ	Model: UW-20 điện áp: AC220V kích thước cổng: 3/4" (ren 27mm) Áp suất hoạt động: min 0kg/cm ² -max10kg/cm ²	Cái	3					
79	Ống thép	SUS201; ϕ 76x3,5mm; 72m	kg	451					
80	co 90 độ	SUS201; ϕ 76x3,5mm	cái	40					
81	Tê giảm	SUS201; ϕ 89- ϕ 76; dày 3,5mm	cái	4					
82	Ống thép	SS400; ϕ 89x4mm; 56m	kg	470					
83	Ống thép	SS400; ϕ 76x3,5mm; 42m	kg	263					
84	Nối giảm	SS400; ϕ 89- ϕ 76; dày 4mm	cái	4					
85	Bê tông	MAC 250	m ³	32,93					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
86	Cát thô	Kích thước hạt từ 0,14 mm đến 2,5 mm	m ³	47,805					
87	Ống thép	SUS201; ϕ 108x4mm; 96m	kg	985					
88	co 90 độ	SUS201; ϕ 108x4mm	cái	15					
89	Ống thép	SS400; ϕ 108x4mm; 42m	kg	431					
90	co 90 độ	SS400; ϕ 108x4mm	cái	15					
91	Tê	SS400; ϕ 108x4mm	cái	8					
92	Ống thép	SUS201; ϕ 159x4,5mm; 24m	kg	416					
93	Kẹp ống hình chữ U	SUS304, M22x5mm	cái	250					
94	Thép U	U100x50x8x4mm; 15m	kg	140					
95	Thép V	V50x50x5mm; 12m	kg	45					
96	Vít nở sắt	ϕ 10x120mm	cái	40					
97	Co 90 độ	SS400; ϕ 219x6mm	cái	20					
98	Tê giảm 219-159	SS400; ϕ 219- ϕ 159; dày 6mm	cái	11					
99	Tê giảm 219-108	SS400; ϕ 219- ϕ 108; dày 6mm	cái	20					
100	Tê giảm 219-76	SS400; ϕ 219- ϕ 76; dày 6mm	cái	5					
101	Tê	SS400; ϕ 219x6mm	cái	20					
102	Bộ bê tông đỡ ống	kích thước 400x250x600mm; có gắn 2 bulong; bản vẽ kèm theo	cái	200					
103	Tê giảm	SS400; ϕ 219- ϕ 76; dày 6mm	cái	8					
104	Nối giảm	SUS201; ϕ 219- ϕ 89; dày 6mm	cái	8					
105	Ống thép	SS400; ϕ 219x6mm; 780m	kg	24584					
106	Co 90 độ	SUS201; ϕ 159x4,5mm	cái	35					
107	Ống thép	SS400; ϕ 159x4,5mm; 54m	kg	926					
108	co 90 độ	SS400; ϕ 159x4,5mm	cái	35					
109	Mặt bích	DN150; PN16	cái	10					
110	Ống thép	SUS201; ϕ 219x6mm; 240m	kg	7565					
111	Co 90 độ	SUS201; ϕ 219x6mm	cái	40					

